TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-PT
Ngày 02-4-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng;

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hà Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:* Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28 tháng 3 và ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2019/TLPT–HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình số sơ thẩm số 103/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2019/QĐPT -HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Kim D, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. – Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn Tr, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Tr: anh Lê Phước Y, sinh năm 1995; Địa chỉ: Khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh – Là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 19/01/2018). – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị H(tên thường gọi: Bé Tư), sinh năm 1963; Bà Trần Thị S, sinh năm 1957; Cùng địa chỉ: ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. – Có mặt.

- Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp O, xã K, huyện H1, tỉnh Tây Ninh. (Tòa án không triệu tập)

- Ông Ngô Hoàng D1, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp O, xã K, huyện H1, tỉnh Tây Ninh. (Tòa án không triệu tập);

- Chị Trần Thị Thúy O, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Tòa án không triệu tập);

- Chị Đỗ Thị Thùy Đ, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; - Có mặt;

4. Người kháng cáo: Chị Trần Kim D, anh Đỗ Văn Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Kim D trình bày:

Chị và anh Đỗ Văn Tr tự nguyện chung sống từ năm 1995, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Tr không chung thủy, không lo kinh tế gia đình, thường xuyên đánh chị, chính quyền địa phương có giải quyết nhưng anh Tr vẫn không sữa đổi. Chị thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn.

Anh chị có 02 con chung: Đỗ Thị Thùy Đ, sinh ngày 29-02-1996 và Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 27-5-2003. Cháu Đ đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Chị D yêu cầu nuôi cháu L, yêu cầu anh Đỗ Văn Tr cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tài sản chung: Gồm có căn nhà cấp 4A, 4B, 01 tủ lạnh Sanyo 180 lít, 01 máy giặt panasonic 2012, 01 quạt nước Symbhony 2015, 01 bộ ván tràm, mái che nền xi măng, hàng rào, chuồng heo và 02 xe mô tô. Ngoài ra, không có tài sản chung gì khác. Chị yêu cầu để nhà lại cho các con, không yêu cầu chia; tài sản còn lại tự thỏa thuận.

Tài sản riêng của chị gồm:

- 01 xe ô tô hiệu Mercedes đời 2005 (16 chổ), biển số 70B-004.90 do chị đứng tên. Lúc mua, xe có giá 480.000.000 đồng. Giấy xe chị đã đưa cho chị Trần Thị S để vay 200.000.000 đồng, có làm giấy biên nhận chị do ký.

- Phần đất diện tích 296,8 m^2 thuộc thửa số 115, tờ bản đồ 35, tại Ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Phần đất này là của cha mẹ chị là ông Trần Văn Ph và bà Nguyễn Thị G cho riêng chị năm 1995, và chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003.

- Tiền gửi nhân Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh 500.000.000 đồng, ngày 07-3-2017 chị đã rút để chi phí cuộc sống gia đình và lo cho cho 02 con đi học nên khoản tiền này không còn.

Nợ chung:

- Giao giấy chứng nhận đăng ký xe cho chị Trần Thị S để vay 200.000.000 đồng;

- Giao cho chị Trần Thị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay 760.000.000 đồng;

- Nợ chị Trần Thị Thúy O 51.775.000 đồng tiền mua thức ăn nuôi heo.

* Đối với phần đất 354,4 m^2 và phần đất 195,4 m^2 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01812 QSDĐ/3374/C3/HĐCN-HL do bà Trần Thị H đứng tên là do cha mẹ chị không sử dụng nên để chị và anh Tr sử dụng, khi nào cha mẹ sử dụng thì trả lại. Cha mẹ chị không sang nhượng hai phần đất này cho vợ chồng chị.

* Đối với phần đất diện tích 302,9 m^2 thuộc thửa 133, tờ bản đồ số 35 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01812 QSDĐ/3374/C3/HĐCN-HL cho chị Trần Thị H; Anh Tr cho rằng đã sang nhượng của chị Trần Thị H vào tháng 12 năm 2016 với giá 170.000.000 đồng là không có.

Bị đơn anh Đỗ Văn Tr trình bày:

Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn như chị D trình bày là đúng. Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị D và đồng ý giao cháu Đỗ Thị Thùy L cho chị D chăm sóc nuôi dưỡng, anh đồng ý yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung:

- Xe ô tô hiệu Mercedes đời 2005 (16 chổ), biển số 70B-004.90 do chị Trần Kim D đứng tên; Tiền gởi Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh số tiền 500.000.000 đồng;

01 phần đất diện tích 296,8 m^2 thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ 35, tại ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh và trên đất có 01 căn nhà cấp 4A, 4B;

01 tủ lạnh Sanyo 180 lít; 01 máy giặt panasonic năm 2012; 01 quạt nước Symbhony năm 2015; 01 bộ ván tràm, chuồng heo, mái che, bồn nước Inox, hàng rào; 02 xe mô tô;

Phần đất diện tích 354,4 m^2 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Huệ đứng tên sang nhượng của ông Trần Văn Ph nhưng chưa sang tên;

Phần đất 302,4 m^2, thuộc thửa 133, tờ bản đồ số 35, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01812 QSDĐ/3374/C3/HĐCN-HL;

Phần đất có diện tích 195,4 m^2, thuộc thửa 133, tờ bản đồ số 35, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01812 QSDĐ/3374/C3/HĐCN-HL do chị Trần Thị H đứng tên sang nhượng của ông Trần Văn Ph nhưng chưa sang tên.

Đối với 01 tủ lạnh Sanyo 180 lít; 01 máy giặt panasonic năm 2012; 01 quạt nước Symbhony năm 2015; 01 bộ ván tràm. Anh và chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Đối với các tài sản còn lại, anh yêu cầu chia đôi, anh nhận giá trị tương ứng phần được chia.

Về nợ chung: Nợ anh Ngô Hoàng D1 400.000.000 đồng; nợ chị Đỗ Thị Th 300.000.000 đồng. Ngoài ra, không còn nợ ai khác. Anh yêu cầu mỗi người trả một nửa

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị H trình bày: Anh Tr chị D có vay của bà nhiều lần tổng cộng 760.000.000 đồng cụ thể: Ngày 12-11-2002, anh Tr, chị D vay 20.000.000 đồng và 50 chỉ vàng 24k trị giá 150.000.000 đồng; Ngày 02-3-2003 vay 20.000.000 đồng và 30 chỉ vàng 24 k trị giá 90.000.000 đồng; ngày 02-5-2009 vay 100.000.000 đồng; ngày 04-3-2010 vay 100.000.000 đồng; ngày 10-02-2011 vay 100.000.000 đồng; ngày 09-11-2012 vay 180.000.000 đồng. Việc vay tiền có làm giấy tay chị D ký tên, anh Tr chị D có đưa một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01613 QSDĐ/3373/03/HĐCN HL ngày 14-11-2003 do chị Trần Kim D đứng tên. Nay anh Tr, chị D ly hôn, bà yêu cầu anh Tr, chị D cùng trả 760.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

Bà Trần Thị S trình bày: Ngày 02-6-2017, bà có cho vợ chồng chị D, anh Tr vay 50.000.000 đồng, chị D anh Tr có giao cho bà một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 70B-004.90. Ngày 12-7-2017, anh Tr, chị D vay 150.000.000 đồng. Việc vay có làm giấy tay, chị D ký tên. Nay anh Tr, chị D ly hôn, chị yêu cầu anh Tr, chị D cùng trả cho chị 200.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

Ông Ngô Hoàng D1 trình bày: Ngày 01-10- 2012, ông có cho anh Tr, chị D vay 200.000.000 đồng để hùn tiền mua xe, việc vay không làm giấy tờ Ngày 12-12-2016, ông cho anh Tr, chị D vay 200.000.000 đồng để mua đất;. Tổng cộng anh Tr chị D nợ ông 400.000.000 đồng. Ông yêu cầu anh Tr chị D cùng trả 400.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm ông rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đỗ Thị Th trình bày: Tháng 01-2002 chị có cho anh Tr, chị D vay 100.000.000 đồng để hùn mua xe, việc vay không làm giấy tờ. Tháng 4-2009 vay 100.000.000 đồng để đổi xe việc vay không làm giấy tờ. Tháng 01-2011, anh Tr vay 100.000.000 đồng, chị có yêu cầu anh Tr làm giấy biên nhận nợ bao gồm cả 02 khoản nợ trước. Tổng cộng anh Tr chị D vay 300.000.000 đồng; chị yêu cầu anh Tr chị D trả cho chị 300.000.000 đồng, không tính lãi. Tại phiên toà, chị Th rút yêu cầu, không yêu cầu anh Tr, chị D trả số tiền trên.

Chị Trần Thị Thúy O trình bày: Ngày 15-9-2016 đến ngày 25-3-2017 chị có bán cho anh Tr chị D thức ăn gia súc với tổng số tiền 51.775.000 đồng. Nay anh Tr, chị D ly hôn, chị yêu cầu anh Tr, chị D cùng trả 51.775.000.000 đồng

Tại bản án sơ thẩm số 103/2018/HNGĐ-ST ngày 07-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ Điều 29; 30; 55; 59; 81, 81 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận chị Trần Kim D và anh Đỗ Văn Tr thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Trần Kim D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 27-5-2003. Anh Đỗ Văn Tr cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi Đỗ Thị Thùy L đủ 18 tuổi. Bắt đầu cập dưỡng tính từ ngày 07-12-2018.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

- Chị Trần Kim D được quyền sở hữu, sử dụng:

Căn nhà cấp 4A, xây dựng năm 2000, diện tích 78,72 m^2;

Căn nhà cấp 4B xây dựng năm 2000, diện tích 19,24 m^2;

Chuồng heo xây năm 2000, diện tích: 72,7 m^2;

Chuồng heo xây năm 2016, diện tích: 36,3 m^2;

Mái che nền xi măng xây dựng năm 2014, diện tích: 35,34;

Mái che nền xi măng xây dựng năm 2000, diện tích: 26 m^2;

Hàng rào B40, xây gạch cao 40 cm, diện tích 13,2 m^2;

Bồn nước Inox 1000 lít + chân bồn.

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu xanh, số khung C50-8043206, số máy C50E-8043115, biển số 70EA – 7782, do anh Đỗ Văn Tr đứng tên, có giá trị 3.500.000 đồng;

01 (một) xe ô tô hiệu Mercedes đời 2005 (16 chổ), biển kiểm soát 70B-00490 do chị Trần Kim D đứng tên;

01 (một) phần đất có diện tích 296,8 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01613 QSDĐ/3373/03/HĐCN HL ngày 14-11-2003, tại ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh do chị Trần Kim D đứng tên (có sơ đồ kèm theo).

- Chị Trần Kim D có nghĩa vụ giao cho anh Đỗ Văn Tr số tiền chênh lệch chia tài sản là 652.141.300 đồng.

- Anh Tr được quyền sở hữu: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Majesty, màu nâu, số khung TPCG022TT012621, số máy TT1P50FMG012621, biển số 70H8 – 6770 do anh Đỗ Văn Tr đứng tên, có giá trị 2.500.000 đồng;

- Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Đỗ Văn Tr đối với:

01 (một) phần đất diện tích 354,4 m^2, thuộc thửa 133, tờ bản đồ số 35, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01812 QSDĐ/3374/C3/HĐCN-HL do chị Trần Thị H đứng tên;

01 (một) phần đất diện tích 302,9 m^2 thuộc thửa 133, tờ bản đồ số 35, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01812 QSDĐ/3374/C3/HĐCN-HL do chị Trần Thị H đứng tên;

01 (một) phần đất có diện tích 195,4 m^2, thuộc thửa 133, tờ bản đồ số 35, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01812 QSDĐ/3374/C3/HĐCN-HL do chị Trần Thị H đứng tên.

4. Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thúy O.

- Buộc chị Trần Kim D có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Thúy O số tiền 25.887.500 đồng.

- Buộc anh Đỗ Văn Tr có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Thúy O số tiền 25.887.500 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị H. Buộc chị Trần Kim D có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền 760.000.000 đồng. Chị Trần Thị H có nghĩa vụ trả lại cho chị D một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị D đứng tên.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị H về việc buộc anh Đỗ Văn Tr có trách nhiệm liên đới trả nợ.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị S. Buộc chị Trần Kim D có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị S số tiền 200.000.000 đồng. Bà Trần Thị S có nghĩa vụ trả lại cho chị D một giấy đăng ký xe ô tô do chị D đứng tên.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị S về việc buộc anh Đỗ Văn Tr có trách nhiệm liên đới trả nợ.

- Đình chỉ yêu cầu của anh Ngô Hoàng D1 về việc yêu cầu anh Đỗ Văn Tr, chị Trần Kim D trả 400.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu của chị Đỗ Thị Th về việc yêu cầu anh Đỗ Văn Tr, chị Trần Kim D trả 400.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo.

*** Nội dung kháng cáo:**

- Theo đơn kháng cáo ngày 20-11-2018 chị Trần Kim D yêu cầu giải quyết lại các vấn đề sau:

+ Phần đất 296,8m^2 thửa đất số 115, tờ bản đồ 35, tại Ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh là tài sản riêng của chị nên chị không đồng ý chia.

+ Không đồng ý chia tài sản chung là 500.000.000 đồng;

+ Yêu cầu anh Đỗ Văn Tr có trách nhiêm liên đới trả nợ cho bà Trần Thị H 760.000.000 đồng và trả cho bà Trần Thị S 200.000.000 đồng;

+ Yêu cầu anh Tr trả lại cho chị 400.000.000 đồng;

+ Yêu cầu anh Đỗ Văn Tr có trách nhiệm tài chính đối với hai con chung.

- Theo đơn kháng cáo đề ngày 13-11-2018, anh Đỗ Văn Tr yêu cầu giải quyết các vấn đề sau:

+ Được nhận chiếc xe mô tô Mercedes biển số 70B-004.90;

+ Chia phần đất diện tích 302,9m^2 thửa đất 133 tờ bản đồ 35, tại ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:*

+ Đối với kháng cáo của chị D: Tại phiên tòa, anh Tr tự nguyện hỗ trợ cho cháu Đ 20.000.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện này; các kháng cáo còn lại của chị D không có cơ sở chấp nhận.

+ Đối với kháng cáo của anh Tr: tại phiên tòa anh Tr rút phần kháng cáo đối với yêu cầu chia diện tích đất 302,9m^2 thuộc thửa 33 tờ bản đồ 35 nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng này.

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của anh Tr hỗ trợ cháu Đ 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Tr rút một phần kháng cáo đối yêu cầu chia phần đất diện tích 302,9 m^2 thuộc thửa đất 133 tờ bản đồ 35, tại ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo này của anh Tr theo quy định tại Điểm c Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét kháng cáo của chị D:

+ Đối chiếu hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất 296,8m^2 thửa đất số 115, tờ bản đồ 35, tại Ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh thấy rằng, Tờ tương phân ngày 11/9/2003, cha mẹ chị D đã cho chị D phần đất này. Tuy nhiên, tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/10/2003 thể hiện bên chuyển nhượng đất là ông Trần Văn Ph và bà Nguyễn Thị G, bên nhận chuyển nhượng là chị Trần Kim D và anh Đỗ Văn Tr. Như vậy theo hợp đồng chuyển nhượng, chị D đã tự nguyện xác lập nhập phần đất này là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 46 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất diện tích 296,8m^2 là tài sản chung của vợ chồng chị là có căn cứ và khi chia có tính đến đóng góp nhưng chưa phù hợp; cần xem xét chia chị D 06 phần, anh Tr 04 phần đối với giá trị tài sản này nên sửa án phần này.

+ Đối với khoản tiền 500.000.000 đồng, khoản tiền này có trong thời kỳ hôn nhân của anh chị nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình là tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D cho rằng, khoản tiền này là do cha mẹ chị cho riêng chị nhưng chị không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh là tài sản riêng. Khoản 3 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình quy định "Trong trường hợp không có căn cứ chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung". Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định khoản tiền này là tài sản chung, khi chia có khấu trừ khoản chi phí chị D đã sử dụng cho gia đình là có cơ sở.

+ Đối với kháng cáo yêu cầu anh Đỗ Văn Tr có trách nhiêm liên đới trả nợ cho bà Trần Thị H 760.000.000 đồng và trả cho bà Trần Thị S 200.000.000 đồng thấy rằng: Căn cứ các giấy vay tiền chị D viết thể hiện, từ ngày 12/11/2002 đến ngày 10/02/2011, chị D vay của bà Trần Thị H tổng cộng 760.000.000 đồng; vay bà Sinh 200.000.000 đồng liên tục vào tháng 6 và tháng 7 năm 2017; các giấy vay tiền đều chỉ do chị D viết, ký tên. Anh Tr không thừa nhận các khoản nợ này. Bà Hvà chị D không chứng minh được anh Tr cùng chị D giao dịch khoản tiền này; chị D cũng không chứng minh được khoản vay này chị sử dụng vào việc gì, để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà Dung có nghĩa vụ trả cho bà H và bà S, mà không buộc anh Tr có nghĩa vụ cùng trả là có căn cứ.

+ Xét kháng cáo của chị D về yêu cầu anh Tr trả lại cho chị 400.000.000 đồng và yêu cầu anh Đỗ Văn Tr có trách nhiệm tài chính đối với hai con chung. Hai vấn đề này chị không đặt ra trong suốt quá trình giải quyết ở Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, các vấn đề này của chị Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để xem xét. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm anh Tr tự nguyện hỗ trợ cho cháu Đỗ Thị Thùy Đ 20.000.000 đồng để cháu có điều kiện kết thúc khóa học và cháu Đđồng ý nhận khoản tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Xét kháng cáo của anh Tr:

Chiếc xe ô tô Mercedes biển số 70B-00490, đứng tên đăng ký là chị Trần Kim D. Tại phiên tòa, chị D trình bày chị nhận xe không phải để sử dụng mà để bán. Hiện tại xe này vẫn do anh chị đang quản lý. Anh Tr là tài xế sử dụng xe để

sinh sống. Do đó, cần chia xe cho anh Tr được sử dụng, anh Tr có nghĩa thanh toán lại giá trị xe cho chị D.

[4] Như vậy tổng giá trị tài sản chung của chị D và anh Tr là 1.366.682.600 đồng. Chị D được chia tài sản có giá trị 796.381.300 đồng; anh Tr được chia tài sản có giá trị 570.301.300 đồng. Anh Tr nhận hiện vật có giá trị 152.500.000 đồng. Do đó, chị D phải thanh toán cho anh Tr 417.801.300 đồng.

[5] Án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[6] Án phí phúc thẩm: Chị D và anh Tr không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 289; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm của anh Đỗ Văn Tr đối với phần kháng cáo yêu cầu chia phần đất diện tích 302,9 m^2 thuộc thửa đất 133 tờ bản đồ 35, tại ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Trần Kim D; Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đỗ Văn Tr. Sửa bản án sơ thẩm số 103/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 37; 55; 59, 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 và Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận chị Trần Kim D và anh Đỗ Văn Tr thuận tình ly hôn.

2. Về con chung:

Chị Trần Kim D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 27/5/2003.

Anh Đỗ Văn Tr cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi Đỗ Thị Thùy L đủ 18 tuổi. Bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày 07/12/2018.

Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung:

- Chị Trần Kim D được quyền sở hữu, quyền sử dụng các tài sản sau:

Phần đất có diện tích 296,8m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01613 QSDĐ/3373/03/HĐCN HL ngày 14/11/2003, tọa lạc tại ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh do chị Trần Kim D đứng tên (có sơ đồ kèm theo);

Các tài sản trên phần đất nêu trên gồm: căn nhà cấp 4A diện tích 78,72 m^2; căn nhà cấp 4B diện tích 19,24 m^2; Chuồng heo diện tích: 72,7 m^2; Chuồng heo diện tích: 36,3 m^2; Mái che nền xi măng diện tích 35,34; Mái che nền xi măng xây dựng diện tích 26 m^2;- Hàng rào B40 - xây gạch cao 40 cm, diện tích 13,2 m^2; Bồn nước Inox 1000 lít + chân bồn.

Xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu xanh, số khung C50-8043206, số máy C50E-8043115, biển số 70EA–7782, do anh Đỗ Văn Tr đứng tên;

- *Anh Tr được quyền sở hữu các tài sản sau:*

Xe mô tô nhãn hiệu Majesty, màu nâu, số khung TPCG022TT012621, số máy TT1P50FMG012621, biển số 70H8–6770 do anh Đỗ Văn Tr đứng tên;

Xe ô tô hiệu Mercedes-Benz đời 2005 (16 chổ), biển kiểm soát 70B-00490;

- Chị Trần Kim D có nghĩa vụ thanh toán cho anh Đỗ Văn Tr 417.801.000 đồng (Bốn trăm mười bảy triệu tám trăm lẻ một nghìn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Đỗ Văn Tr yêu cầu chia phần đất diện tích 354,4 m^2; 302,9 m^2 và phần đất diện tích 195,4 m^2 tại ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

4. Nợ chung:

- Buộc chị Trần Kim D và anh anh Đỗ Văn Tr mỗi người có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Thúy O 25.887.500 đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Buộc chị Trần Kim D có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H760.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

- Bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả lại cho chị Trần Kim D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01613/QSDD9/03/HĐCNHL do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/11/2003 chị D đứng tên.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị H về việc buộc anh Đỗ Văn Tr có trách nhiệm liên đới trả nợ.

- Buộc chị Trần Kim D có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị S 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

- Bà Trần Thị S có nghĩa vụ trả lại cho anh Tr giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005043 cấp ngày 18/01/2013 do chị D đứng tên đối với xe Mercedes-Benz đời 2005 (16 chổ), biển kiểm soát 70B-00490.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của chị Trần Thị S về việc buộc anh Đỗ Văn Tr có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Hoàng D1 về việc yêu cầu anh Đỗ Văn Tr, chị Trần Kim D trả 400.000.000 đồng.

6. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Th về việc yêu cầu anh Đỗ Văn Tr, chị Trần Kim D trả 400.000.000 đồng.

7. Chi phí tố tụng: anh Tr tự nguyện chịu 2.699.000 đồng chi phí đo đạc, định giá. Ghi nhận anh Tr đã nộp xong.

8. Án phí sơ thẩm:

Chị Trần Kim D phải chịu 77.731.500 đồng. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018311 ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Chị D còn phải nộp tiếp 77.431.000 (Bảy mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

Anh Tr phải chịu 28.406.000 đồng. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Tr đã nộp 17.100.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) theo biên lai thu số 0018407 ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Anh Tr còn phải nộp 11.306.000 đồng (Mười một triệu ba trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Thị H 19.000.000 (Mười chín triệu) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018765, ngày 06/02/2018 và biên lai số 0018979, ngày 13/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Hoàn trả cho bà Trần Thị S 5.000.000 (Năm triệu) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018769, ngày 08/02/2018 và biên lai số 0018980, ngày 13/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Hoàn trả cho chị Trần Thị Thúy O 1.294.500 (một triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018515, ngày 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Hoàn trả cho chị Đỗ Thị Th 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018943, ngày 21/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Hoàn trả cho anh Ngô Hoàng D1 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018944, ngày 21/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

7. Án phí phúc thẩm:

Hoàn trả cho chị D 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0019171 ngày 20/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Hoàn trả cho anh Tr 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0019164 ngày 19/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị An Tiên

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục H;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.